

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LÀO CAI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 05/2021/ HNGĐ - ST

Ngày 02 tháng 4 năm 2021.

Về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
N- ỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN- LÀO CAI.

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lụa.

Các hội thẩm nhân dân: 1, Ông Bùi Anh Dương.

2, Bà Vũ Thị Vẻ.

Th- ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2020. Về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX - ST ngày 01 tháng 3 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị T, sinh năm 1995. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Th, xã N D, huyện V B, tỉnh L C. Chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã ND, huyện V B, tỉnh L C.

Bị đơn: Anh Triệu Ông T, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Th, xã ND, huyện V B, tỉnh L C.

Người làm chứng: Ông Phùng Thừa M, sinh năm 1981; Ông Lý Ông Nh, sinh năm 1987; Chị Triệu Cù M, sinh năm 1998. Đều trú tại thôn Th, xã ND, huyện V B, tỉnh L C. Vắng mặt tại phiên Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ kèm theo của chị Bàn Thị T có yêu cầu: Ngày 20/6/2017 chị và anh Triệu Ông T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Dạng, huyện Văn Bàn. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 tháng đến tháng 9/2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T có quan hệ không lành mạnh, đánh bạc làm phát sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau, được gia đình hai bên khuyên giải anh T hứa sửa chữa, chị lại đoàn tụ và tiếp tục phát sinh mâu thuẫn trầm trọng Nh vào tháng 8/2018 anh, chị tự sống ly thân mỗi người một nơi, tính từ thời điểm ly thân đến nay khoảng 02 năm 08 tháng nên chị không có thai với anh T. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn cách nào hàn gắn được, chị đề nghị đ- ợc ly hôn với anh Triệu Ông T.

Về con: Chị T xác định, chị và anh T có 01 con chung là cháu Triệu Phúc Ng, sinh ngày 25/12/2016 và cả hai đều có con riêng. Chị T có con riêng là cháu Bàn Thị D,

sinh ngày 23/11/2012; Anh T có con riêng là cháu Triệu Thị Xuân Th, sinh ngày 19/8/2011. Hiện cháu Th, cháu Ng đang sống cùng anh T, cháu D sống cùng chị T. Nay chị đề nghị khi ly hôn tiếp tục giao cháu Ng, cháu Th cho anh T, giao cháu D cho chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, con riêng.

Về tài sản: Chị T xác định, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện. Chị và anh T không có tài sản riêng và tài sản chung. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về nghĩa vụ Th toán: Chị T xác định, chị và anh T không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Về phía bị đơn anh Triệu Ông T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã thông báo và phổ biến điều luật về các quyền, nghĩa vụ, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập (nếu có) cho bị đơn anh Triệu Ông T. Tuy nhiên, anh T tự tước đi các quyền và nghĩa vụ, từ chối không tham gia tố tụng và không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không ghi ý kiến trình bày quan điểm về mối quan hệ hôn nhân, nuôi con, tài sản khi ly hôn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T. Biết được mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, chị T không Nh trí quay lại đoàn tụ và tự chịu nghĩa vụ nuôi con nên anh T cố ý không chấp hành tự từ bỏ quyền yêu cầu từ khi thụ lý đến nay.

Tại phiên tòa, Đại D Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đã xác định: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân theo trình tự pháp luật tố tụng Dân sự, nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành tham gia tố tụng Dân sự và phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị T. Xử cho chị Bàn Thị T đ-ợc ly hôn với anh Triệu Ông T.

Về con: Giao cháu Bàn Thị D, sinh ngày 23/11/2012 cho chị T; giao cháu Triệu Phúc Ng, sinh ngày 25/12/2016; cháu Triệu Thị Xuân Th, sinh ngày 19/8/2011 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và con riêng.

Về án phí: Chị Bàn Thị T phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Anh Triệu Ông T không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa . Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Bàn Thị T giao nộp và Tòa án xác M thu thập được tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị Bàn Thị T và anh Triệu Ông T. Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý đến nay anh T có mặt tại nơi cư trú thôn Thượng, xã Nậm Dạng đều được Tòa án, chính quyền xã đọc và tổng đạt các văn bản tố tụng và phổ biến điều luật về các quyền,

nghĩa vụ để anh T biết đến Tòa thực hiện quyền, nghĩa vụ và trình bày ý kiến, quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Tuy nhiên, anh T tự tước đi các quyền và nghĩa vụ, từ chối không tham gia tố tụng và không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T, trốn tránh nghĩa vụ công dân nhằm gây cản trở cho quá trình giải quyết vụ án ly hôn, nuôi con với chị T và bỏ mặc không quan tâm. Do anh T không tham gia tố tụng và không ghi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T và tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập để bảo vệ quyền và lợi ích của mình. Biết được mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, chị T không Nh trí quay lại đoàn tụ và tự chịu nghĩa vụ nuôi con nên anh T cố ý không chấp hành tự từ bỏ quyền yêu cầu từ khi thụ lý đến khi xét xử lần một vào ngày 16/3/2021 và xét xử lần hai được mở lại ngày hôm nay anh T cố ý bỏ mặc không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử:

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị T xác định, chị và anh Triệu Ông T tự nguyện chung sống với nhau từ cuối năm 2016, đến ngày 20/6/2017 tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nậm Dạng, huyện Văn Bàn. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 01 năm, đến tháng 9/2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống nên vợ chồng thường xuyên điều qua tiếng lại chửi mắng, xúc phạm nhau. Được gia đình khuyên bảo lần qua lần không cải thiện được và tự chấm dứt mọi mối quan hệ, sống ly thân từ tháng 8/2018 mỗi người sống một nơi, chị T bỏ đi làm nhà sống riêng từ tháng 8/2018 tại thôn 6, xã Nậm Dạng, bỏ mặc, không quan tâm, kinh tế của người nào người đó tự quản lý, sử dụng tính đến nay khoảng 02 năm 08 tháng. Xét thấy, chị T và anh T chung sống với nhau thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thiếu đi sự chăm lo, yêu thương quý trọng của người chồng, làm rạn nứt tình cảm. Như vậy tình cảm giữa chị T và anh T mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị T đề nghị được ly hôn với anh Triệu Ông T.

Về con: Mặc dù chị T và anh T không thỏa thuận về việc giao con khi ly hôn. Tuy nhiên, khi ly thân anh T và chị T đã tự giao cháu Triệu Thị Xuân Th, sinh ngày 19/8/2011 và cháu Triệu Phúc Ng, sinh ngày 25/12/2016 cho anh T; giao cháu Bàn Thị D, sinh ngày 23/11/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy để đảm bảo việc học tập và phát triển về thể chất lẫn tinh thần cho các cháu, cần chấp nhận đề nghị của chị T giao cháu D cho chị T; giao cháu Th và cháu Ng cho anh T là phù hợp với qui định tại Điều 81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và của các cháu. Anh T, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, con riêng.

Về quan hệ tài sản, vay nợ: Chị Bàn Thị T không yêu cầu và xác định không vay nợ cơ quan, tổ chức, cá nhân khoản nào, không cho cơ quan, tổ chức vay nợ vợ chồng. Bị đơn anh Triệu Ông T không có yêu cầu phản tố và không có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bàn Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Anh Triệu Ông T không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bàn Thị T, bị đơn anh Triệu Ông T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 Điều; 229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Chị Bàn Thị T đ- ợc ly hôn với anh Triệu Ông T.

+ Về con: Giao cháu Triệu Thị Xuân Th, sinh ngày 19/8/2011 và cháu Triệu Phúc Ng, sinh ngày 25/12/2016 cho anh Triệu Ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu Th, cháu Ng trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Bàn Thị D, sinh ngày 23/11/2012 cho chị Bàn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục đến khi cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Triệu Ông T và chị Bàn Thị T không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không đ- ợc cản trở ng- ời không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục con.

+ Về án phí: Chị Bàn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nh- ng đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AC/2012/0001722 ngày 14/12/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Bàn Thị T đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Anh Triệu Ông T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Bàn Thị T, bị đơn anh Triệu Ông T được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn chị Bàn Thị T(01).
- Bị đơn anh Triệu Ông T(01).
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- UBND xã (1).
- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn(02).
- L-u HS vụ án (02),

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lụa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn chị Bàn Thị T(01).
- Bị đơn anh Triệu Ông T(01).
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- UBND xã (1).
- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn(02).
- L-u HS vụ án (02),

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lụa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

